

Biểu phí xin thị thực

Loại tiền: phí thị thực (đô la Mỹ)
Phí dịch vụ (Việt Nam đồng)

Quốc gia	Số lần nhập cảnh	Các loại phí thu					
		Phí thị thực (đô la Mỹ)			Phí dịch vụ xin thị thực (Việt Nam đồng)		
		Thu hộ Đại sứ quán			Trung tâm thị thực được thu (bao gồm thuế GTGT)		
		Loại phổ thông	Loại nhanh	Loại gấp	Loại phổ thông	Loại nhanh	Loại gấp
Việt Nam	Một lần	45	70	82	725,000	1,100,000	1,450,000
	Hai lần	68	93	105			
	6 tháng nhiều lần	90	115	127			
	Một năm trở lên nhiều lần	135	160	172			
Mỹ	Một lần, hai lần, nhiều lần	139	164	176			
Canada	Một lần, hai lần, nhiều lần	60	85	97			
Brazil	Một lần, hai lần, nhiều lần	105	130	142			
Argentina	Một lần, hai lần, nhiều lần	113	138	150			
Các quốc gia khác	Một lần	23	48	60			
	Hai lần	34	59	71			
	6 tháng nhiều lần	45	70	82			
	12 tháng nhiều lần	68	93	105			

Chú ý:

(1) Người xin thị thực phải nộp tổng phí bao gồm: phí thị thực và phí dịch vụ xin thị thực của trung tâm.

(2) Phí dịch vụ xin thị thực sẽ được trung tâm thu vào ngày nộp đơn xin thị thực bằng Việt Nam đồng. Bất luận kết quả xin thị thực ra sao, phí dịch vụ đã thu đều không được hoàn lại.

(3) Phí thị thực sẽ được trung tâm thu hộ cho Đại sứ quán Trung Quốc. Khi người nộp đơn đến lấy kết quả, phí thị thực sẽ được thu bằng đô la Mỹ. Số tiền thực tế phải nộp tùy thuộc vào việc phê duyệt của Đại sứ quán Trung Quốc.

(4) Nếu người nộp đơn xin thị thực là công dân nước thứ ba thì phí thị thực phải nộp có thể sẽ khác với phí được liệt kê trong bảng trên. Vui lòng chú ý số tiền thực tế phải nộp.

(5) Xin loại gấp, loại nhanh cần được sự phê chuẩn của Đại sứ quán (bao gồm loại VIP)

(6) Đối với công dân Mỹ xin thị thực phòng viên(J1, J2), kể từ ngày 01/04/2020 phí thị thực điều chỉnh như sau: Loại thường 171 USD, loại nhanh 196 USD, loại gấp 208 USD (Việc xin thị thực loại gấp, loại nhanh phải được cán bộ Lãnh sự của Đại sứ quán phê duyệt)